

**TAND TP. TH
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2018/HSST
Ngày : 20/03/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Anh Thư

Các Hội thẩm nhân dân: 1 Ông Đồng Văn Quân

2. Ông Trần Quảng Thái

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: bà Ngô Thị Thu Thuận - cán bộ Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà: Bà Trịnh Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2018 tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 92/2018/HSST ngày 15 tháng 02 năm 2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108 ngày 06 tháng 03 năm 2018 đối với bị cáo:

Dương V NH, sinh ngày 20 tháng 8 năm 1977

- Nơi đăng ký HKTT: Xóm Hanh, xã Nhã Lộng, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 7/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Con ông: Dương Văn Đông (đã chết); Con bà: Dương Thị Văn, sinh năm 1953; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ 2; Vợ: Nguyễn Thị Thanh, sinh năm 1979; Có 02 con, lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2003;

Tiền án, tiền sự: Không có.

Hiện đang bị tạm giam tại Trại giam công an Thái Nguyên từ ngày 09/01/2018 đến nay (Có mặt tại phiên tòa)

Người làm chứng: Ông Hoàng Xuân Kh, sinh năm 1958

Trú tại: Tổ 16, phường Tân Thành, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Bị cáo Dương V NH bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Hồi 09 giờ 45 phút ngày 09/01/2018, tổ công tác của Công an phường Tân Thành, thành phố Thái Nguyên đang làm nhiệm vụ tại khu vực chợ Vó Ngựa thuộc địa phận tổ 15 của phường thì phát hiện 01 người đàn ông có biểu hiện liên quan đến ma túy nên đã yêu cầu cho kiểm tra. Khi tiếp cận thì người đàn ông đó khai nhận tên là Dương V NH, tiến hành kiểm tra thì phát hiện tại túi áo khoác bên phải mà Như đang mặc có 01 gói giấy bạc màu trắng bên trong có chứa chất bột màu trắng (Như khai nhận đó là Heroine). Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản phạm tội quả tang đối với Như và niêm phong vật chứng theo quy định.

Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Nguyên tiến hành mở niêm phong cân xác định trọng lượng số chất bột màu trắng thu giữ của Như có trọng lượng là **0,117 gam**

Tại kết luận giám định số 256/KL – PC54 ngày 11/01/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên kết luận: Chất bột màu trắng trong mẫu N gửi giám định là chất ma túy, loại Heroine, có trọng lượng **0,117 gam**.

Tại Cơ quan điều tra, Dương V NH khai nhận: Khoảng 9 giờ ngày 09/01/2018, Như từ nhà bắt xe buýt lên khu vực chợ Vó Ngựa với mục đích để mua ma túy về sử dụng cho bản thân. Khi lên đến nơi, được một người nghiện ma túy không quen chỉ đường vào nhà 1 người đàn ông không quen biết, không biết rõ địa chỉ cụ thể để mua Heroine. Tại đây, Như đã hỏi mua được của người đó 01 gói Heroine với giá 100.000 đồng. Sau khi trả tiền, Như được người đàn ông đó đưa cho 01 gói Heroine gói bên ngoài bằng giấy bạc màu trắng. Như cầm gói Heroine đó cất vào trong túi áo khoác đang mặc để về nhà sử dụng. Khi Như đang đi bộ ra khu vực cổng chợ Vó Ngựa thì bị tổ công tác của Công an phường Tân Thành, thành phố Thái Nguyên phát hiện bắt quả tang thu giữ vật chứng như nêu trên.

Lời khai nhận tội của Dương V NH phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của người làm chứng, vật chứng thu giữ, Kết luận giám định.

Vật chứng của vụ án gồm: 01 bì niêm phong ký hiệu N.

Tại Bản cáo trạng số 105/KSĐT - MT ngày 03/02/2018 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên đã truy tố Dương V NH” Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa ý kiến của Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Dương V NH về tội danh và điều luật như cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm c, khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015; Xử phạt tù từ 15 đến 18 tháng tù. Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

- Áp dụng Điều 47 BLHS 2015, Điều 106 BLTTHS năm 2015: Xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

- Áp dụng Điều 99 BLTTHS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải nộp án phí HSST vào ngân sách nhà nước.

Trong phần tranh luận, bị cáo thừa nhận việc truy tố, xét xử đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, không bị oan, bị cáo xin được hưởng mức án thấp nhất để sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào những chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, lời khai của bị cáo. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, của Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp.

[2] . Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp vật chứng đã thu giữ và các chứng cứ, tài liệu khác thu thập có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Do nghiện ma túy nên vào hồi 9 giờ 45 phút ngày 09/01/2018 Dương V NH đã có hành vi tàng trữ 0,117 gam Heroine mục đích để sử dụng cho bản thân thì bị phát hiện bắt quả tang thu giữ vật chứng.

Hành vi nêu trên của bị cáo Nh đã phạm vào tội “ Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự 2015.

[3]. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật viện dẫn là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Điều 249 BLHS quy định như sau:

“ 1. Người nào.....tàng trữ trái phép....chất ma túy, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...

c, Heroine...có khối lượng từ 0,1gam đến dưới 05 gam”.

Đánh giá tính chất vụ án là nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách quản lý của Nhà nước về các chất ma túy. Ma túy là hiểm họa của toàn xã hội, nó không những hủy hoại sức khỏe mà còn làm băng hoại về đạo đức của con người, là nguyên nhân phát sinh ra các loại tội phạm khác. Việc bài trừ tận gốc tệ nạn ma túy trong toàn xã hội đang được Đảng và Nhà nước quan tâm thực hiện. Loại tội phạm này đang có chiều hướng gia tăng, diễn biến phức tạp, gây mất trật tự trị an xã hội. Vì vậy cần phải áp dụng mức hình phạt nghiêm tương xứng với tính chất mức độ, hành vi phạm tội và nhân thân bị cáo.

Khi lượng hình Hội đồng xét xử xem xét đến nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thấy : Bị cáo không có tiền án, tiền sự. Sau khi phạm tội, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5]. Về hình phạt: Hội đồng xét xử xét thấy, để đảm bảo tính nghiêm minh của luật pháp cần áp dụng mức hình phạt tù tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Xét quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, nên xem xét giảm một phần hình phạt cho bị cáo để bị cáo yên tâm cải tạo tốt sớm trở về với gia đình và xã hội, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị mức án đối với bị cáo, xét thấy là phù hợp được chấp nhận.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự, hành vi phạm tội của bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Xét bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, không có nghề nghiệp, không có nguồn thu nhập ổn định nên miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7]. Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 BLHS 2015, Điều 106 BLTTHS năm 2015: Tịch thu tiêu hủy 01 bì niêm phong theo quy định ký hiệu A1.

[8]. Các vấn đề khác :Về nguồn gốc số Hêrôin, Dương V NH khai mua của 01 nam giới (không rõ lai lịch, địa chỉ). Quá trình điều tra không xác định được lai lịch, địa chỉ của người đàn ông này nên không có cơ sở điều tra làm rõ để xử lý.

[9]. Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10]. Về quyền kháng: Bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố : Bị cáo Dương V NH phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

1. Căn cứ vào: Điểm c, khoản 1 Điều 249; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt:

- Dương V NH : **15** (Mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/01/2018. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Áp dụng Điều 329 BLTTHS Quyết định tạm giam bị cáo 45 ngày, kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

2. Vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 BLHS 2015, Điều 106 BLTTHS năm 2015

- Tịch thu tiêu hủy: 01 bì niêm phong ký hiệu N.

(Vật chứng hiện đang lưu giữ, bảo quản tại kho vật chứng của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 154. ngày 06/02/2018).

3. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của UBTV Quốc hội quy định về án phí, lệ phí toà án: Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng), án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND TP Thái Nguyên Nguyên;
- CCTHADS TP Thái Nguyên;
- Công an TP Thái Nguyên;
- Sở tư pháp;
- Bị cáo;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Anh Thư

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND TP Thái Nguyên Nguyên;
- CCTHADS TP Thái Nguyên;
- Công an TP Thái Nguyên;
- Sở tư pháp;
- Bị cáo;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Anh Thư

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND TP Thái Nguyên Nguyên;
- CCTHADS TP Thái Nguyên;
- Công an TP Thái Nguyên;
- Sở tư pháp;
- Bị cáo;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Anh Thư

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND TP Thái Nguyên Nguyên;
- CCTHADS TP Thái Nguyên;
- Công an TP Thái Nguyên;
- Sở tư pháp;
- Bị cáo;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Anh Thư

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Anh Thư

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND TP Thái Nguyên Nguyên;
- CCTHADS TP Thái Nguyên;
- Công an TP Thái Nguyên;
- Sở tư pháp;
- Bị cáo;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Anh Thư

TAND TP. THÁI NGUYÊN
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 03 năm 2018

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN - TỈNH THÁI NGUYÊN
Với hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Anh Thư
Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đồng Văn Quân

2. Ông Trần Quảng Thái

Căn cứ các Điều 199 và Điều 222 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Vào hồi giờ phút ngày 20 tháng 03 năm 2018, tại phòng nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án Dương V NH bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nguyên truy tố về tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác tại phiên toà; Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề phải giải quyết trong vụ án như sau:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Dương V NH phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”

Kết quả biểu quyết 3/3.

Về điều luật áp dụng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Kết quả biểu quyết 3/3.

Về mức hình phạt:

Xử phạt bị cáo Dương V NH 15 (Mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/01/2018. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Áp dụng Điều 329 BLTTHS Quyết định tạm giam bị cáo 45 ngày, kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

Kết quả biểu quyết 3/3.

Về các vấn đề khác:

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS 2015, Điều 106 BLTTHS năm 2015

- Tịch thu tiêu hủy: 01 bì niêm phong theo quy định ký hiệu A1.

(Vật chứng hiện đang lưu giữ, bảo quản tại kho vật chứng của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số ngày)

* Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016, buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm vào ngân sách nhà nước.

* Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

Kết quả biểu quyết 3/3.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Anh Thư

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Chương- Nguyễn Thị Nga

Khúc Trọng Quang

Nơi nhận:

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- CCTHADS huyện Thủy Nguyên;
- Công an huyện Thủy Nguyên;
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo, Người tham gia tố tụng;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Sự

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Hữu Dự Nguyễn Thị Huyền

Lê Thị Sự

Nơi nhận:

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- CCTHADS huyện Thủy Nguyên;
- Công an huyện Thủy Nguyên;
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo, Người tham gia tố tụng;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Sự

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Hữu Dự Nguyễn Thị Huyền

Lê Thị Sự

H- ớng dẫn sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản h- ớng dẫn này đ- ợc soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 185, 224 và 307 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo h- ớng dẫn này đ- ợc sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những h- ớng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) Nếu là Tòa án quân sự khu vực, thì ghi Tòa án quân sự khu vực mấy Quân khu nào (ví dụ: Tòa án quân sự khu vực 1 quân khu 4); nếu là Tòa án quân sự quân khu thì ghi Tòa án quân sự quân khu nào (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô); nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gò thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung - ớng nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án

nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung - ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) nào (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số bản án, ô thứ hai ghi năm ra bản án theo đúng tình thần hướng dẫn của Chính phủ về cách ghi số văn bản (ví dụ: Bản án số 250/2004/HSST).

(3) Ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày.

(4) Ghi hướng dẫn tại điểm (1).

(5) Nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba thành viên, thì chỉ ghi họ và tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng “Thẩm phán...”, đối với Hội thẩm chỉ ghi họ và tên của hai Hội thẩm; nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm thành viên, thì ghi họ và tên của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, họ và tên của Thẩm phán, họ và tên của cả ba Hội thẩm. Trong trường hợp bị cáo là thành niên, thì nhất thiết phải ghi nghề nghiệp và nơi công tác của Hội thẩm. Trong trường hợp bị cáo là thành niên, thì không nhất thiết phải ghi nghề nghiệp và nơi công tác của Hội thẩm nhân dân.

(6) Nếu Tòa án nhân dân, thì ghi Hội thẩm nhân dân; nếu Tòa án quân sự, thì ghi Hội thẩm quân nhân.

(7) Ghi họ và tên của Thẩm phán Tòa án ghi biên bản phiên tòa và tên của Tòa án, nơi Thẩm phán Tòa án công tác hướng dẫn tại điểm (1).

(8) Ghi hướng dẫn tại điểm (1), song đổi các chữ “Tòa án nhân dân” thành “Viện kiểm sát nhân dân” và “Tòa án quân sự” thành “Viện kiểm sát quân sự”; nếu chỉ có một Kiểm sát viên tham gia phiên tòa thì chỉ ghi họ và tên của Kiểm sát viên đó; nếu có hai Kiểm sát viên tham gia phiên tòa thì phải ghi đầy đủ họ và tên của cả hai Kiểm sát viên đó.

(9) Trong trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày, thì bỏ hai chữ “Trong các” (ví dụ: Ngày 12 tháng 4 năm 2004...).

Trong trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày trở lên, nếu số ngày tương đối ít thì có thể ghi đủ số ngày (ví dụ: Trong các ngày 3, 4 và 5 tháng 7...); nếu số ngày nhiều liên nhau thì ghi từ ngày đến ngày (ví dụ: Trong các ngày từ ngày 3 đến ngày 7 tháng 7 năm...); nếu khác tháng mà xét xử liên tục thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Trong các ngày từ ngày 30-7 đến ngày 04-8 năm...), nếu không xét xử liên tục thì ghi các ngày của từng tháng (ví dụ: trong các ngày 29, 30, 31 tháng 7 và các ngày 03, 04 tháng 8 năm...).

(10) Ô thứ nhất ghi số thụ lý sơ thẩm vụ án, ô thứ hai ghi năm thụ lý vụ án theo đúng tình thần hướng dẫn của Chính phủ về cách ghi số văn bản và sau đó ghi ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Vụ án hình sự thụ lý số 175/2004/HSST ngày 20 tháng 4 năm 2004).

(11) Ghi họ và tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu thấy đến năm phạm tội mà bị cáo mới 20 tuổi, thì nhất thiết phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh; nếu trên 20 tuổi thì có thể ghi năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi tạm trú. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xóa án.

(12) Ghi ngày bị cáo bị bắt tạm giam; nếu tr-ớc đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị tạm giam và ngày đ-ợc cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên toà thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên toà thì ghi “vắng mặt”.

(13) Nếu bị cáo nào có ng-ời đại diện hợp pháp thì ghi họ và tên của bị cáo đó (ví dụ: Ng-ời đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A).

(14) Sau chữ “là” ghi quan hệ nh- thể nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên toà thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên toà thì ghi “vắng mặt”.

(15) Nếu bị cáo nào có ng-ời bào chữa thì ghi họ và tên của bị cáo đó; sau chữ Ông (Bà) ghi họ và tên của ng-ời bào chữa; nếu ng-ời bào chữa là luật s- thì ghi luật s- của Văn phòng luật s- nào và thuộc Đoàn luật s- nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật s- Văn phòng luật s- Vạn Xuân thuộc Đoàn luật s- tỉnh H); nếu không phải là luật s- thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của ng-ời bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M); nếu có mặt tại phiên toà thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên toà thì ghi “vắng mặt”.

(16), (17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) Nếu có ng-ời nào tham gia tố tụng thì ghi họ và tên, tuổi, nơi c- trú của ng-ời đó. Trong tr-ờng hợp ng-ời bị hại là ng-ời bị xâm phạm về tính mạng, sức khoẻ, nhân phẩm, danh dự và là ng-ời ch- a thành niên, thì nhất thiết phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của ng-ời bị hại; nếu có mặt tại phiên toà thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên toà thì ghi “vắng mặt”.

(24) Nếu ng-ời bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, ng-ời có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có ng-ời bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi họ và tên của họ theo thứ tự; sau chữ Ông (Bà) ghi họ và tên; nếu ng-ời bảo vệ quyền lợi của đ-ơng sự là luật s- thì ghi luật s- của Văn phòng luật s- nào và thuộc Đoàn luật s- nào; nếu không phải là luật s- thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của ng-ời bảo vệ quyền lợi cho đ-ơng sự; nếu có mặt tại phiên toà thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên toà thì ghi “vắng mặt”.

(25) Trong phần này, cần chú ý chỉ ghi các hành vi phạm tội của các bị cáo mà Viện kiểm sát truy tố trong nội dung của cáo trạng, những hành vi khác tuy có đ-ợc mô tả trong cáo trạng, nh-ng Viện kiểm sát không truy tố thì không ghi.

(26) Trong phần này chỉ ghi sự phân tích và đánh giá của Hội đồng xét xử bao gồm:

- Phân tích và đánh giá những vấn đề đã đ-ợc tranh tụng tại phiên toà;
- Phân tích những chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định vô tội;
- Đánh giá bị cáo có phạm tội không và nếu bị cáo có phạm tội, thì phạm tội gì, theo khoản nào, điều nào của Bộ luật hình sự;
- Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo;
- Đánh giá thiệt hại và xác định trách nhiệm bồi th-ờng thiệt hại (nếu có);
- H-ớng giải quyết về xử lý vật chứng (nếu có).

(27) Trong phần này ghi các quyết định của Toà án và quyền kháng cáo đối với bản án nh- sau:

a. Tr-ờng hợp bị cáo có phạm tội:

- Tuyên bố bị cáo (các bị cáo)... phạm tội (các tội)... (bị cáo nào phạm tội nào thì ghi tội đó);

- áp dụng điểm... khoản... Điều... của Bộ luật hình sự; nếu có nhiều bị cáo phạm các tội khác nhau, thì ghi áp dụng điểm... khoản... Điều... của Bộ luật hình sự đối với bị cáo (các bị cáo)... và áp dụng điểm... khoản... Điều... của Bộ luật hình sự đối với bị cáo (các bị cáo)...
 - Xử phạt bị cáo... (ghi tên từng bị cáo và mức hình phạt). Tiếp đó ghi thời điểm để tính thời hạn chấp hành hình phạt; nếu cho bị cáo đi- ợc h- ởng án treo thì cần giao ng- ời đi- ợc h- ởng án treo cho cơ quan, tổ chức nơi ng- ời đó làm việc hoặc chính quyền địa ph- ơng nơi ng- ời đó th- ờng trú để giám sát và giáo dục. Trong tr- ờng hợp cần tiếp tục tạm giam bị cáo để bảo đảm thi hành hình phạt tử hình thì ghi: “tiếp tục tạm giam bị cáo để bảo đảm thi hành án”.
 - Việc bồi th- ờng thiệt hại: Cần thiết phải ghi: áp dụng khoản... Điều... (t- ơng ứng) của Bộ luật dân sự buộc...;
 - Việc xử lý vật chứng (nếu có) cần theo quy định tại Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003;
 - Về án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm;
 - Quyền kháng cáo đối với bản án. Đối với bị cáo bị xử phạt tử hình thì cần ghi thêm: “nếu họ không kháng cáo, thì họ có quyền làm đơn gửi Chủ tịch n- ớc xin ân giảm án tử hình trong thời hạn bảy ngày, kể từ ngày hết hạn kháng cáo”.
- b. Trong tr- ờng hợp bị cáo không phạm tội:
Căn cứ vào khoản... Điều 107 của Bộ luật tố tụng hình sự;
- Tuyên bố bị cáo không phạm tội;
 - Giải quyết việc khôi phục danh dự, quyền và lợi ích hợp pháp của họ;
 - Xác định trách nhiệm bồi th- ờng thiệt hại (nếu có);
 - Việc xử lý vật chứng (nếu có);
 - Về án phí (nếu có);
 - Quyền kháng cáo đối với bản án.
- c. Nếu bị cáo bị tuyên hình phạt trực xuất, thì Hội đồng xét xử cũng phải tuyên cả thời gian bị cáo phải rời khỏi Việt Nam.

Phần cuối cùng của bản án, nếu là bản án gốc đi- ợc thông qua tại phòng nghị án thì cần phải có đầy đủ chữ ký, họ và tên của các thành viên Hội đồng xét xử; nếu là bản án chính thì cần ghi nh- sau:

Nơi nhận:
(Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao bản án theo quy định tại Điều 229 của Bộ luật tố tụng hình sự và những nơi cần l- u bản án chính)

TM. Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
Ký tên và đóng dấu của Tòa án
(Họ và tên)